

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06/5/2022
Về việc “Ly hôn giữa anh C với chị C1”

**NH1 DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NH1 DÂN HUYỆN BÐTỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nH1 dân:

1. Lê Hoàng N.
2. Ông Trần Thanh Hòa.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Minh Quyền – Thư ký Tòa án nH1 dân huyện BÐtỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nH1 dân huyện BÐ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử của Tòa án nH1 dân huyện BÐtỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nH1 và Gia đình thụ lý số: 289/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn: Dương Thế C***, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Khánh, xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

Anh C có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 23/12/2021.

**** Bị đơn: Cao Thị Kim C1***, sinh năm 1981. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hưng Thạnh, xã Châu Hưng, huyện BÐtỉnh Bến Tre.

Chị C1 có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 09/3/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 08/3/2021; Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 23/12/2021, nguyên đơn Dương Thế C trình bày:

Anh C và chị Cao Thị Kim C1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH1 dân xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nH1 là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn thương nhau, không còn quan tâm để cùng chăm lo cho cuộc sống gia đình. Vì vậy, vợ chồng anh C và chị C1 đã sống ly tH1 từ năm 2020 cho đến nay. Hiện tại, anh C không còn tình cảm vợ chồng với chị C1 nữa. Anh C yêu cầu Tòa án giải quyết một số vấn đề sau đây:

Về quan hệ hôn nH1: Anh C yêu cầu ly hôn với chị Cao Thị Kim C1.

Về con chung: Anh C yêu cầu chị C1 trực tiếp nuôi con chung tên là Dương Cao Gia H1, sinh ngày 29/9/2014. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Tại bản tự khai ngày 09/3/2022, biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2022, chị Cao Thị Kim C1 trình bày:

Chị và anh Dương Thế C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn theo luật định. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại, mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, không thể hàn gắn được. Vợ chồng thường xuyên cự cãi, hai bên không hòa hợp trong cuộc sống. Vì vậy, vợ chồng anh C và chị C1 đã sống ly tH1 từ giữa năm 2020 cho đến nay. Do đó, anh C yêu cầu ly hôn, chị C1 đồng ý.

Về nuôi con chung: Chị C1 đồng ý trực tiếp nuôi con chung là Dương Cao Gia H1, sinh ngày 29/9/2014, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật Hôn nH1 và gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nH1: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Dương Thế C đối với chị Cao Thị Kim C1.

Về nuôi con chung: Chị C1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Dương Cao Gia H1, sinh ngày 29/9/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị C1 không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C và chị C1 khai thống nhất không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Dương Thế C và chị Cao Thị Kim C1 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó xét xử vắng mặt anh C và chị C1 là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của hai bên đương sự và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về Nội dung vụ án:

Anh Dương Thế C và chị Cao Thị Kim C1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, hai bên có đăng ký kết hôn theo luật định nên được công nhận là hôn nH1 hợp pháp. Thời gian đầu, anh C và chị C1 chung sống có hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nH1 là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình hai bên không hòa hợp, không còn yêu thương, quan tâm nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng anh C, chị C1 đã sống ly tH1 từ giữa năm 2020 cho đến nay. Hiện tại, anh C và chị C1 ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm gì đến nhau. Anh C yêu cầu ly hôn và chị C1 cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nH1 giữa anh C và chị C1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nH1 không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh Dương Thế C là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật hôn nH1 và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Anh C và chị C1 có 01 con chung tên là Dương Cao Gia H1, sinh ngày 29/9/2014. Nhận thấy, cháu H1 được chị C1 nuôi dưỡng và phát triển bình thường khỏe mạnh nên tiếp tục giao cháu H1 cho chị C1 trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ và phù hợp với nguyện vọng của cháu H1 trên 07 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị C1 không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh C và chị C1 khai thống nhất không có nên không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Dương Thế C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của anh Dương Thế C đối với chị Cao Thị Kim C1.

Cho ly hôn giữa anh Dương Thế C với chị Cao Thị Kim C1.

2. Về nuôi con chung: Chị C1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Dương Cao Gia H1, sinh ngày 29/9/2014 (Phù hợp với nguyện vọng của cháu H1 trên 07 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của chị C1 không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị C1 trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có nên không xét đến.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Dương Thế C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh C đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003437 ngày 08 tháng 12 năm 2021 của C1 cục Thi hành án dân sự huyện BĐ tỉnh Bến Tre.

Vậy, anh C đã nộp xong án phí.

Các đương sự anh Dương Thế C và chị Cao Thị Kim C1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện BĐ;
- C1 cục THADS huyện BĐ;
- Ủy ban nhân dân xã Anh Thạnh, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (Số 54, quyền số 01 năm 2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi